TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 08-01-2025
V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Phan Thị Dòn

2- Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 351/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 957/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 801/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S.**
Địa chỉ trụ sở: N, Phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện thep pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty A**. Địa chỉ: Số N, Phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).

Đại diện theo pháp luật của Công ty SBA: Ông **Lê Ngọc T**. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ủy quyền lại cho:

1/ Ông **Nguyễn Vũ Khánh C**, sinh năm 1983. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 775/2023/GUQ-TGĐ ngày 13/9/2023).

2/ Ông **Trần Gia T**, sinh năm 1971. Chức vụ: Nhân viên Công ty A (theo Giấy ủy quyền số 1820/2024/UQ-TGĐ ngày 26/3/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, Phường V, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Hồ Văn D**, sinh năm 1982 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: chung cư H, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 04 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 09/10/2017, ông **Hồ Văn D** có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiếm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 35,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Loại thẻ: Visa Platinum, Số thẻ: 436438-6516; Hạn mức: 35.000.000; Ngày ký hợp đồng: 09/10/2017; Lãi suất áp dụng: 2.4%/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.689.313.554 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chỉ tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.661.857.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/7/2022 Ngân hàng

đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 41.221.314 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông D trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 12/11/2024 là 83.316.880 đồng. Cụ thể là: Loại thẻ: Visa Platinum, Số thẻ: 436438-6516; Nợ gốc: 41.221.314, lãi quá hạn: 42.095.566; lãi suất áp dụng: 3.6% (2.4%*150%).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông D, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Hồ Văn D:

1. Buộc ông Hồ Văn D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/11/2024 là: 83.316.880 đồng (Tám mươi ba triệu, ba trăm mười sáu nghìn, tám trăm tám mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 41.221.314 đồng; Lãi quá hạn: 42.095.566 đồng.

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/11/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Hồ Văn D đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa nhưng ông Hồ Văn D vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

1. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S ông Trần Gia T có đơn xin vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày yêu cầu như sau:

- Buộc ông Hồ Văn D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/01/2025 là: 86.136.442 (Tám mươi sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi hai) đồng trong đó: Nợ gốc: 41.221.314 đồng; Lãi

quá hạn: 44.915.128 đồng.

- Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn ông Hồ Văn D vắng mặt không lý do.

3. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điêm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn giải quyết chưa đảm bảo đúng thời hạn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện ông Hồ Văn D yêu cầu ông D thanh toán khoản tiền vay nợ theo Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/10/2017 với mục đích tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống. Tại Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/10/2017 ông Hồ Văn D có ghi địa chỉ tại H, HQC Plaza, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh tại công văn số 2977/TAHBC ngày 20/8/2024 của Công an xã A có nội dung: "*Công dân Hồ Văn D, SN: 1982 có khai báo nơi ở hiện tại và thực tế cư trú tại địa chỉ Chung cư H, xã A, huyện B*". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Văn D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã

thu thập được để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/10/2017, bị đơn được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng là: Loại thẻ: Visa Platinum, Số thẻ: 436438-6516; hạn mức: 35.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Hồ Văn D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.689.313.554 đồng. Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.661.857.000 đồng thì ngưng. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/7/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 41.221.314 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Hồ Văn D trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/01/2025 là 86.136.442 đồng, trong đó tiền gốc là 41.221.314 đồng; lãi quá hạn là 44.915.128 đồng, ngoài ra yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/01/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

*** Đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc của Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng)**:

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng cho thấy kể từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 16/7/2022 ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.661.857.000 đồng thì ngưng.

Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ ngày 15/8/2016 quy định: *"Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán. Nếu chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ. Đồng thời, Trường hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, toàn bộ Dư nợ của chủ thẻ theo hợp đồng này cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ".*

Vì vậy, ngày 16/7/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn số tiền là 41.221.314 đồng làm nợ gốc là có cơ sở phù hợp với quy định của ngân hàng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"...Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền*

vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật…”.

Kể từ ngày 16/7/2022 đến nay, ông D không thanh toán thêm khoản tiền gốc nào cho ngân hàng nữa. Mặc dù đã được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Vậy nên, ông D đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng tín dụng, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông D phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 41.221.314 (bốn mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm mười bốn) đồng là có cơ sở chấp nhận.

*** Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP S:**

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“…Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật…”*

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/10/2017, các bên không có thỏa thuận lãi quá hạn trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định (các bên đã thỏa thuận bản điều khoản và điều kiện này là một phần của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/10/2017) có quy định như sau: *"áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ"*.

Căn cứ vào Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành Biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam, qui định về lãi suất Thẻ tín dụng quốc tế là 2.4-2.6%/tháng. Đối chiếu qui định này của S thì từ ngày 16/7/2022 đến 08/01/2025 số tiền quá hạn là 44.915.128 (bốn mươi bốn triệu, chín trăm mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi tám) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi,lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn là ông Hồ Văn D.

Buộc ông Hồ Văn D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 08/01/2025 là 86.136.442 (Tám mươi sáu triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi hai) đồng (trong đó nợ gốc là 41.221.314 đồng, lãi quá hạn là 44.915.128 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngày 09/01/2025 ông Hồ Văn D còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà ông D phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn

Các đương sự có quyền thỏa thuận về địa điểm giao nhận tiền và thời điểm giao nhận tiền, trường hợp không thỏa thuận được thì thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.306.822 (bốn triệu, ba trăm linh sáu nghìn, tám trăm hai mươi hai) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.791.072 (Một triệu, bảy trăm chín mươi mốt nghìn, không trăm bảy mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23P/0033675 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại

phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

2 000014 077201

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền